TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 50, 05 - 09/12/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi trong thận trọng, chỉ số hạ nhiệt sau chuỗi ngày leo dốc"

Chứng khoán toàn cầu trái chiều. Phố Wall có tuần giảm điểm khi thiếu vắng thông tin hỗ trợ cho xu hướng. Chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng mạnh hơn dự báo làm giới đầu tư lo ngại trở lại. Bên cạnh đó, các ngân hàng trung ương Canada, Úc đều quyết định tăng thêm lãi suất trong tuần. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 giảm lần lượt 2.8% và 3.4%. Chứng khoán châu Âu cũng giảm sau chuỗi ngày đi lên với Stoxx Euro mất 0.9%. Ở chiều ngược lại, chứng khoán châu Á tiếp tục khởi sắc với Trung quốc dẫn đầu. Chính phủ Hồng Kông có thể nới lỏng hơn nữa các biện pháp kiểm chế COVID, bao gồm cả việc dỡ bỏ quy định đeo khẩu trang ngoài trời và nới lỏng kiểm tra bắt buộc đối với du khách. Điều này thúc đẩy Hang Seng vọt tăng 6.6%, Shang hai cũng tăng 1.6% và Nikkei tăng nhẹ 0.5%.

Dầu thô ghi nhận tuần tồi tệ với mức sụt giảm gần 11%, nối tiếp đà giảm từ tuần trước đó đã đưa giá dầu WTI về quanh mức 71 USD/thùng. Những lo ngại ngày càng tăng về khả năng suy giảm nhu cầu do suy thoái kinh tế, đặc biệt là ở các nền kinh tế tiên tiến đang đè nặng lên tâm lý. Trái lại, kênh tài sản trú ẩn đang phục hồi. Lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm của Hoa Kỳ đã tăng trở lại trên 3.5% từ mức thấp nhất trong ba tháng là 3.4%. Đồng USD cũng có dấu hiệu cân bằng khi DXY lấy lại mốc 105.

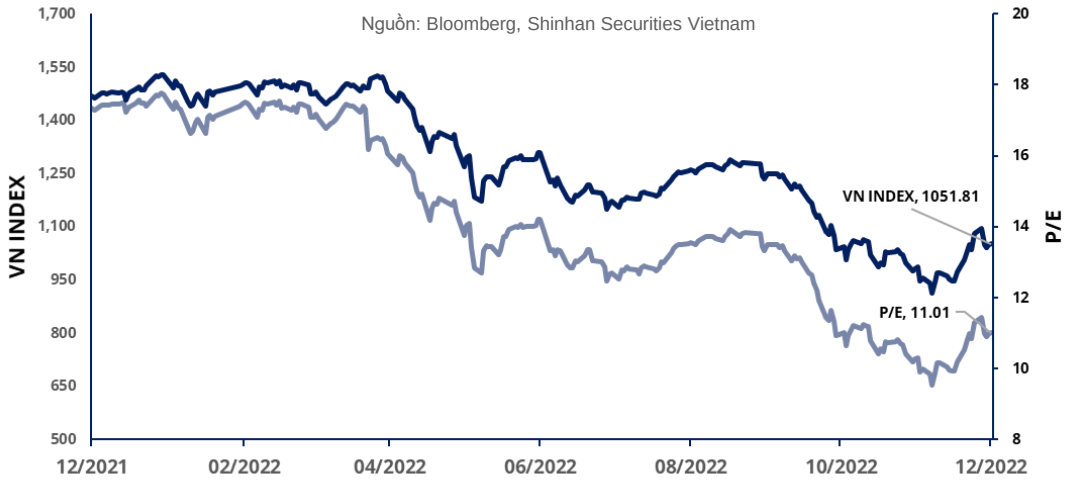
Chứng khoán Việt Nam hạ nhiệt sau tuần tăng điểm tích cực trước đó. Khớp lệnh vẫn được duy trì ở mức cao. Chốt tuần, VN-Index giảm 28.2 điểm (-2.6%) về mức 1052 điểm; HNXIndex còn tăng nhẹ 1.1 điểm (+0.5%) đạt 217 điểm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước bán ròng. Sự chú ý hướng đến giao dịch ở nhóm Đầu tư công, Du lịch khi đa số cổ phiếu đều chạm mức giá trần. Câu chuyện về đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công cùng với kỳ vọng Trung Quốc mở cửa tạo nên sự lạc quan cho giới đầu tư. Tuần sau có lẽ là một tuần bận rộn khi có khá nhiều tin trọng điểm được chờ đợi. Ở Hoa Kỳ, quyết định lãi suất của Fed và báo cáo CPI chiếm vị trí trung tâm. Bên cạnh đó, Ngân hàng Anh, Thụy Sĩ, Ngân hàng Trung ương Châu Âu sẽ tổ chức các cuộc họp chính sách tiền tệ và Vương quốc Anh, Ấn Độ, Nam Phi sẽ công bố dữ liệu lạm phát. Cuối cùng, dữ liệu PMI ước tính sẽ được công bố cho Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Khu vực đồng Euro và Úc.

Góc nhìn và khuyến nghị: Thị trường đã điều chỉnh trở lại sau chuỗi ngày phục hồi ấn tượng. Với việc thiếu vắng nhóm dẫn dắt giai đoạn hiện tại cùng với dòng tiền bắt đầu phân hóa sẽ khó khăn hơn cho chỉ số tiếp tục đi lên. Do vậy, tín hiệu giảm điểm là hợp lý để chỉ số lùi lại tạo thêm đà cho quán tính phục hồi. Giao dịch sẽ nghiêng về giằng có ở các phiên tới. Hỗ trợ ngắn hạn cho xu hướng là ngưỡng 1,030 điểm, thấp hơn là ngưỡng tâm lý 1,000 điểm trong khi kháng cự gần nhất là ngưỡng 1,100 điểm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,052	-2.6	10.2	-15.8	-29.8		11.0	1.7	177
Upcom Index	72	-0.8	4.3	-20.7	-36.5		11.4	1.3	41
HNX Index	217	0.5	14.3	-23.3	-54.2		13.9	1.2	10
VN30 Index	1,065	-2.6	12.2	-16.5	-30.6		9.1	1.7	126
S&P 500 Index	3,934	-3.4	-1.5	-4.3	-17.5		19.0	4.0	34,335
STOXX Europe 600 Index	439	-0.9	1.6	2.7	-10.0		15.0	1.8	12,779
Hang Seng	19,901	6.6	14.9	2.8	-14.9		7.2	0.8	2,848
Nikkei 225	27,901	0.5	-1.3	-2.2	-3.1		18.9	1.6	3,553
SHCOMP Index	3,207	1.6	3.9	-1.7	-11.9		14.4	1.4	6,556
STI Index	3,246	-0.4	0.5	-0.9	3.9		11.6	1.1	372
KOSPI Index	2,389	-1.8	-3.8	0.2	-19.8		11.3	0.9	1,401

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



[Analysts] Khang Tran
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.8	7.1	-25.4	3.5	36.8	62.8	70.3	-1.4	10.9	1.8	3,629,384
Mid Cap	-0.8	5.0	-38.1	10.7	52.9	32.7	27.7	1.3	10.9	1.0	485,990
Small Cap	-2.6	2.1	-49.7	16.2	52.2	33.7	1.9	0.2	10.8	0.6	74,338

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dịch vụ Tiêu dùng	2.1	5.0	-29.4	0.8	23.3	3.3	3.4	-0.2	n.a	3.6	188,038
Công nghiệp	1.5	9.3	-29.9	14.0	50.6	22.5	8.3	0.6	10.9	1.0	209,370
Công nghệ Thông tin	0.0	5.6	-7.0	-2.2	9.9	15.2	0.9	-0.1	15.8	2.8	97,330
Dược và Y tế	0.0	4.3	-21.4	-3.9	16.1	23.2	0.1	0.0	13.0	1.8	30,622
Nguyên vật liệu	-0.6	18.1	-45.6	-4.7	18.4	19.9	12.6	-1.4	6.7	1.1	287,647
Dầu khí	-2.2	4.0	-40.7	-9.2	7.3	-24.5	1.0	-0.2	52.4	1.8	47,993
Hàng Tiêu dùng	-2.9	3.1	-16.8	5.7	30.7	16.2	8.9	0.0	15.1	2.6	585,869
Tiện ích Cộng đồng	-3.4	-5.3	5.7	-4.3	7.5	-17.7	1.4	-0.1	12.9	2.1	311,159
Ngân hàng	-3.4	8.1	-20.3	15.4	39.2	81.4	22.5	1.9	7.9	1.5	1,431,578
Tài chính	-3.6	8.5	-40.6	4.3	58.7	94.9	40.9	-0.6	15.4	1.4	1,000,335

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD) 1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,170**	**87.01**	**415.66**	**567.3**	**704.5**
Nước ngoài	**2,073**	**83.15**	**394.62**	**525.1**	**732.0**
VanEck Vectors Vietnam ETF	415	17.74	66.64	92.0	75.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	703	8.14	102.35	207.0	657.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	532	50.59	192.58	192.6	143.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	277	6.67	25.30	27.9	-44.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	114	0.00	8.71	8.7	-101.9
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.00	-1.50	-3.6	-1.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.00	0.53	0.5	-7.9
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.0	13.0
Trong nước	**1,098**	**3.86**	**21.04**	**42.2**	**-27.6**
DCVFM VN Diamond ETF	593	0.00	0.00	0.0	-98.6
DCVFM VN30 ETF Fund	324	1.21	13.05	30.1	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	139	2.64	11.76	19.9	0.1
MAFN VN30 ETF	26	0.00	-2.52	-6.8	66.0
SSIAM VNX50 ETF	9	0.00	-1.25	-1.0	1.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	3.8

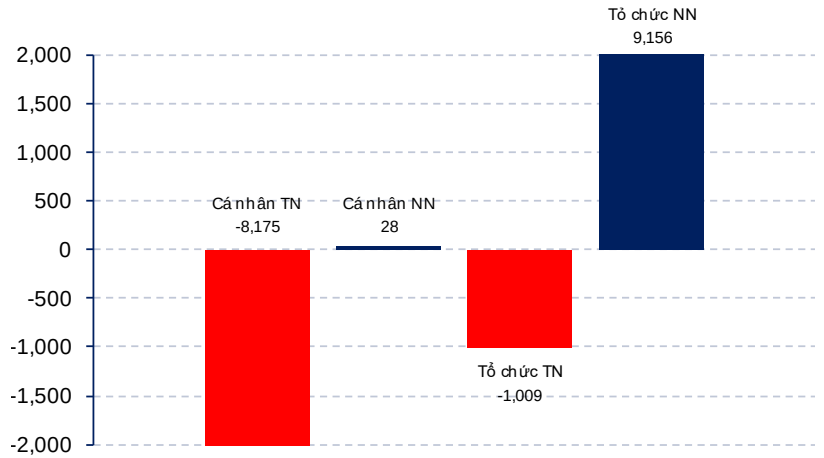
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD) WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-48,296	-102,234	-187,530
Ấn độ	-403	-539	5,166	-17,388
Indonesia	-423	-602	173	5,009
Nhật Bản	-2,601	-2,601	19,157	803
Maylaysia	-147	-196	-385	1,209
Philippines	-28	-50	38	-1,186
Hàn Quốc	-750	-1,005	4,152	-9,365
Sri Lanka	5	10	17	53
Đài Loan	-828	-204	3,241	-41,327
Thái Lan	-147	-258	816	5,334
Việt Nam	155	279	800	747

Chú thích:

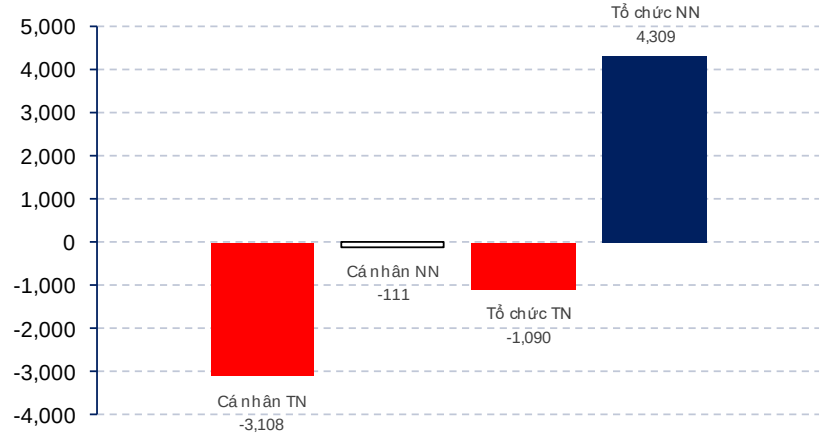
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	IBC	Dịch vụ tài chính	6.12 - 21.70	6.1	-30.30%
2	NVL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.65 - 91.00	16.7	-30.04%
3	UDC	Xây dựng và Vật liệu	5.02 - 18.65	5.1	-26.19%
4	HPX	Bất động sản	6.33 - 36.70	7.0	-22.93%
5	OGC	Sản xuất nông nghiệp	5.64 - 20.50	6.1	-22.78%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
18.75%	14.3	7.02 - 38.08	Dịch vụ tài chính	CTS
18.45%	12.2	6.42 - 31.70	Truyền thông	YEG
17.15%	3.6	2.32 - 9.00	Xây dựng và Vật liệu	TCR
15.18%	138.1	88.30 - 142.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PDN
14.10%	3.6	38.20 - 69.39	Hàng cá nhân & Gia dụng	TCM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CTB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.90 - 29.40	15.9	-23.92%
2	SMT	Công nghệ Thông tin	6.50 - 29.90	6.5	-18.75%
3	MST	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 19.90	4.5	-18.18%
4	CLM	Tài nguyên Cơ bản	23.40 - 107.00	61.7	-18.17%
5	ADC	Truyền thông	14.90 - 29.30	14.9	-17.68%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.03%	16.9	8.00 - 17.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMS
26.98%	8.0	5.00 - 27.50	Tài nguyên Cơ bản	KKC
24.04%	25.8	10.00 - 36.90	Xây dựng và Vật liệu	SDU
18.18%	10.4	5.90 - 41.90	Xây dựng và Vật liệu	SCI
18.18%	7.8	5.00 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	THW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.10 - 30.20	11.0	-37.85%
2	HAF	Thực phẩm và đồ uống	14.30 - 42.00	16.1	-35.60%
3	PNP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.30 - 37.00	12.3	-27.65%
4	CI5	Xây dựng và Vật liệu	7.40 - 22.70	9.8	-27.41%
5	PND	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.90 - 38.40	8.9	-27.05%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
67.44%	7.2	2.70 - 56.60	Tài nguyên Cơ bản	SQC
53.85%	6.0	3.10 - 18.20	Xây dựng và Vật liệu	VHH
45.83%	28.0	15.70 - 31.00	Hóa chất	BRR
40.35%	8.0	5.20 - 13.00	Công nghệ Thông tin	HIG
34.78%	6.2	2.90 - 13.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	MTG

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	POM	Thép Pomina	Tài nguyên Cơ bản	1,672.2	397.0	5.3	3.24 - 16.00	9.7
2	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,486.0	225.8	26.6	15.45 - 26.70	13.2
3	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	2,344.8	152.4	73.0	60.60 - 98.11	1.4
4	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,743.9	139.9	21.1	17.05 - 49.40	-0.9
5	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	2,905.0	133.6	19.0	13.10 - 48.60	6.8
6	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	265,688.6	119.6	22.5	18.30 - 44.00	-1.3
7	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	125,319.6	105.8	33.5	22.40 - 92.90	8.4
8	HDB	HDBank	Ngân hàng	52,230.3	104.4	16.8	13.05 - 26.00	1.8
9	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	41,826.3	103.3	10.4	7.35 - 29.00	4.0
10	CTS	Chứng khoán Vietinbank	Dịch vụ tài chính	28,117.4	99.9	14.3	7.02 - 38.08	18.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

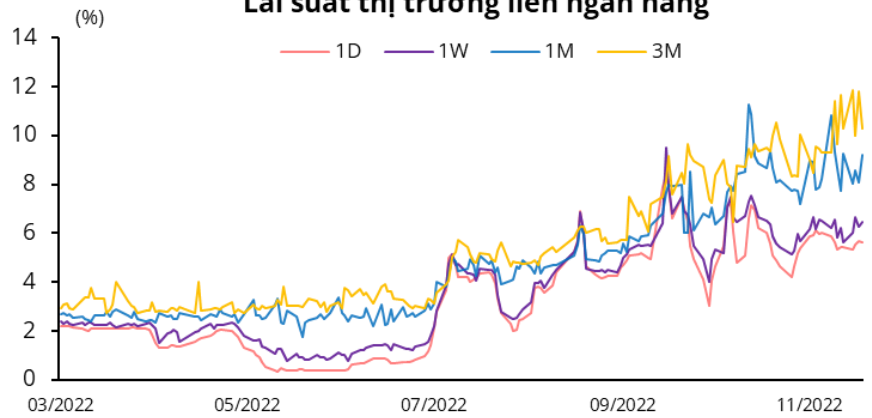
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	104.81	0.25	-5.19	-3.85	9.55	
VND/USD	23,783	-2.84	-4.33	1.13	4.19	
KRW/USD	1,301.55	0.10	-4.63	-5.74	9.48	
JPY/USD	136.56	1.68	-6.77	-4.15	18.67	
EUR/USD	0.95	-0.05	-5.03	-4.74	7.89	
SGD/USD	1.35	0.17	-3.49	-3.26	0.36	
CNY/USD	6.96	-1.35	-3.90	0.46	9.48	

Hàng hóa

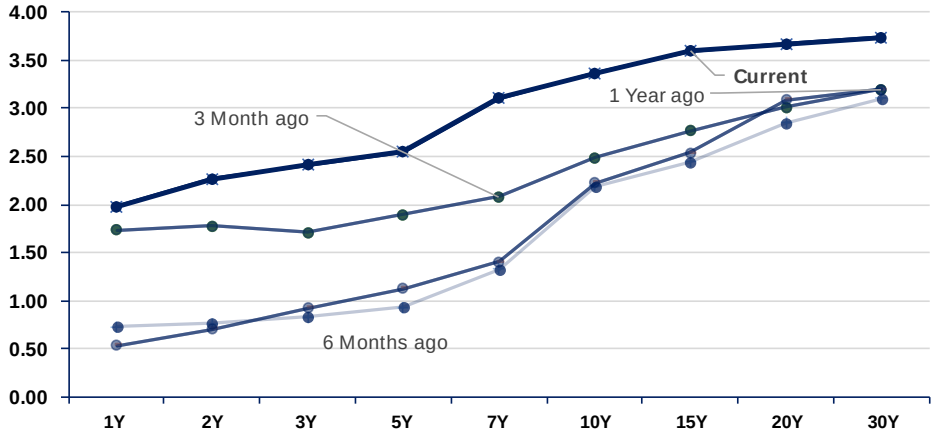
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	71.02	-11.20	-17.26	-18.17	-5.57	
Xăng	205.61	-9.84	-19.20	-15.49	-7.74	
Gas	6.25	-0.57	6.48	-21.90	67.43	
Than	402.50	2.94	23.94	-7.52	137.32	
Vàng	1,797.32	-0.02	5.31	4.69	-1.74	
Bạc	23.47	1.44	11.50	24.47	0.71	
Platinum	1,027.58	0.83	3.81	16.22	6.07	
Quặng sắt	110.48	2.83	26.25	10.25	-1.80	
Thép cán	4,036.00	2.96	6.52	0.90	-15.01	
Lúa mì	712.75	-3.32	-11.62	-16.47	-7.53	
Ngô	634.75	-0.04	-4.48	-9.13	7.00	
Gỗ	412.50	4.17	-10.33	-18.96	-64.06	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL
Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK
Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG
Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA
PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI
Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.